TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:70 /2023/KDTM-ST
Ngày: 03-07-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :Bà Phạm Thị Diệu Hiền– *Kiểm sát viên*.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 490/2023/QĐST-KDTM ngày 13/06/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T
Địa chỉ:đường L, phường H, quận B, Thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D
Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Trần Huỳnh L – sinh năm 1997
Hoặc ông Ngô Hoàng V – sinh năm 1995
Địa chỉ: đường C, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn bản ủy quyền: số 1967/2022/UQ-PGD ngày 06/04/2023

Bị đơn: Công ty cổ phần M
Địa chỉ: đường D, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số doanh nghiệp: 0305128188
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng N – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, khu phố B, Phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Hoàng N – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, khu phố B , Phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2022và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (Gọi tắt Ngân hàng Việt Nam T) do ông Trần Huỳnh L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 13/12/2018, Ngân hàng Việt Nam T và Công ty Cổ phần M (Gọi tắt Công ty M) đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: SME/Q10/18/0086/HDHM; số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 12 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh in ấn của công ty. Việc vay tiền được giải ngân qua các khế ước nhận nợ như sau:

+Khế ước nhận nợ lần 12/Số: SME/Q10/18/0086/HDHM-12 ngày 14/08/2019 với số tiền vay là 109.500.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17.5%/năm, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần theo quy định của Ngân hàng Việt Nam T;

+Khế ước nhận nợ lần 15/Số: SME/Q10/18/0086/HDHM-15 ngày 19/09/2019 với số tiền vay là 153.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17.6%/năm, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần theo quy định của Ngân hàng Việt Nam T;

+Khế ước nhận nợ lần 16/Số: SME/Q10/18/0086/HDHM-16 ngày 17/10/2019 với số tiền vay là 166.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 18.6%/năm, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần theo quy định của Ngân hàng Việt Nam T;

+Khế ước nhận nợ lần 17/Số: SME/Q10/18/0086/HDHM-17 ngày 15/11/2019 với số tiền vay là 180.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 18.6%/năm, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần theo quy định của Ngân hàng Việt Nam T;

+Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 10/12/2018, với hạn mức 500.000.000 đồng, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ đề nghị là 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng tại thời điểm giải ngân là: 28%/năm, kể từ ngày

12/10/2019 lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng là 32%/năm (Theo Quyết định số 746/2019/QĐ-TGĐ ngày 01/10/2019).

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H thông qua Hợp đồng bảo lãnh. Ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty M trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng Việt Nam T và Công ty M theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/18/0086/HDBL ngày 13/12/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số: TSN/21344 ngày 20/08/2021.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty M đã thanh toán cho Ngân hàng Việt Nam T số tiền là 274.604.878 đồng. Sau đó, Công ty M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng Việt Nam T đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty M, ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H để yêu cầu trả nợ nhưng Công ty M, ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán ngay một lần số nợ còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký và các khế ước nhận nợ, thẻ tín dụng, số tiền tạm tính đến hết ngày 03/07/2023, cụ thể:

*Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-12 ngày 14/08/2019:

Nợ gốc: 42.756.757 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 623.853 đồng;

Lãi quá hạn: 8.812.514 đồng;

Lãi chậm trả: 55.207đồng;

*Khế ước nhận nợ SME/Q10/18/0086/HDHM-15 ngày 19/09/2019:

Nợ gốc: 76.499.765 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 938.978 đồng;

Lãi quá hạn: 16.848.394 đồng;

Lãi chậm trả: 82.064 đồng;

*Khế ước nhận nợ SME/Q10/18/0086/HDHM-16 ngày 17/10/2019:

Nợ gốc: 94.638.600đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.318.634 đồng;

Lãi quá hạn: 20.831.900 đồng;

Lãi chậm trả: 117.413 đồng;

*Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-17 ngày 15/11/2019:

Nợ gốc: 120.000.000đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.711.598 đồng;

Lãi quá hạn: 26.559.452đồng;

Lãi chậm trả: 151.465 đồng;

*Hợp đồng thẻ tín dụng số 265-C-199363:

Nợ gốc: 496.990.084 đồng;

Nợ lãi: 221.391.550đồng.

Tổng cộng số tiền mà Công ty M còn nợ Ngân hàng Việt Nam T là 1.130.328.228 đồng.

Ngoài ra Công ty M vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký và các khế ước nhận nợ, thẻ tín dụng cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Việt Nam T

Trường hợp Công ty M không thanh toán số tiền nêu trên thì ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Việt Nam T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T do ông Trần Huỳnh L là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty M (Do ông Lê Hoàng N là người đại diện theo pháp luật); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hoàng N, bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên bà H, ông N, Công ty M vẫn vắng mặt và không cử người đại diện. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T và Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/18/0086/HDHM ngày 13/12/2018, các Khế ước nhận nợ, xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm .

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu Công ty M phải thanh toán tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 03/07/2023 gồm :

Nợ theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là: 333.895.122 đồng;

Nợ lãi (nợ lãi trong hạn, lãi qúa hạn, lãi chậm trả): 78.051.802 đồng;

Nợ gốc Hợp đồng thẻ tín dụng là: 496.990.084 đồng;

Nợ lãi thẻ tín dụng: 221.391.550 đồng;

Tổng cộng: 1.130.328.228 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu Công ty M không chịu thanh toán số nợ trên cho ngân hàng, ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Việt Nam T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T, Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/18/0086/HDHM ngày 13/12/2018 và các Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thẻ tín dụng số 265-C-199363, gồm:

Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-12 ngày 14/08/2019;

Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-15 ngày 19/09/2019;

Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-16 ngày 17/10/2019;

Khế ước nhận nợ :SME/Q10/18/0086/HDHM-17 ngày 15/11/2019.

Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận T nên Toà án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty M (do ông Lê Hoàng N là người đại diện theo pháp luật); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, ông Lê Hoàng N nhưng bà H, ông N, Công ty M vẫn vắng mặt và không cử người đại diện đến Tòa án để tham dự phiên tòa. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn Công ty M; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, ông N không đến Tòa án để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/07/2023 theo các Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thẻ tín dụng, cụ thể:

* Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-12 ngày 14/08/2019:

Nợ gốc: 42.756.757 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 623.853 đồng;

Lãi quá hạn: 8.812.514 đồng;

Lãi chậm trả: 55.207 đồng.

*Khế ước nhận nợ : SME/Q10/18/0086/HDHM-15 ngày 19/09/2019:

Nợ gốc: 76.499.765 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 938.978 đồng;

Lãi quá hạn: 16.848.394 đồng;

Lãi chậm trả: 82.064 đồng.

*Khế ước nhận nợ : SME/Q10/18/0086/HDHM-16 ngày 17/10/2019:

Nợ gốc: 94.638.600đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.318.634 đồng;

Lãi quá hạn: 20.831.900 đồng;

Lãi chậm trả: 117.413 đồng.

*Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-17 ngày 15/11/2019:

Nợ gốc: 120.000.000đồng;
Nợ lãi trong hạn: 1.711.598 đồng;
Lãi quá hạn: 26.559.452đồng;
Lãi chậm trả: 151.465 đồng.
* Hợp đồng thẻ tín dụng số 265-C-199363:
Nợ gốc: 496.990.084 đồng;
Nợ lãi: 221.391.550 đồng.

Tổng cộng số tiền là 1.130.328.228 đồng, Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/18/0086/HDHM ký ngày 13/12/2018; Các Khế ước nhận nợ; Hợp đồng thẻ tín dụng số 265-C-199363 ký ngày 17/12/2018 thể hiện giữa Ngân hàng Việt Nam T với Công ty M có thực hiện giao dịch vay tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngân hàng Việt Nam T nhiều lần nhắc nợ nhưng Công ty M vẫn không thực hiện. Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Việt Nam T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trách nhiệm thanh toán:

Xét, Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu trong trường hợp đến thời hạn thanh toán nợ mà Công ty M không thanh toán thì ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Việt Nam T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số SME/Q10/18/0086/HĐBL ký ngày 13/12/2018 giữa ông Lê Hoàng N với Ngân hàng Việt Nam T và Hợp đồng bảo lãnh số TSN/21344 ký ngày 20/08/2021 giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng Việt Nam T. Nội dung Hợp đồng bảo lãnh thể hiện ông N, bà H đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình để thực hiện tất cả các nghĩa vụ tài chính (nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt) của bên được bảo lãnh (Công ty M) đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số SME/Q10/18/0086/HĐHM ngày 13/12/2018. Căn cứ Điều 336, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Việt Nam T là có cơ sở để chấp nhận

[5] Thời hạn thanh toán:

Xét, Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thẻ tín dụng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam T. Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, yêu cầu của Ngân hàng Việt Nam T là có cơ sở để chấp nhận.

[6]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của Ngân hàng Việt Nam T được chấp nhận nên Công ty M phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 1.130.328.228 đồng = 36.000.000đồng + 3% (330.328.228 đồng) = 45.909.900đồng

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng Việt Nam T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Buộc Công ty cổ phần M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T các khoản tiền gồm:

Nợ gốc: 333.895.122 đồng;

Nợ lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả): 78.051.802 đồng;

Nợ gốc Hợp đồng thẻ tín dụng: 496.990.084 đồng;

Nợ lãi thẻ: 221.391.550 đồng;

Tổng cộng số tiền: 1.130.328.228 đồng (Một tỉ một trăm ba mươi triệu ba trăm hai mươi tám ngàn hai trăm hai mươi tám đồng) .

Nợ lãi này tính đến ngày 03/07/2023.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 04/7/2023 Công ty cổ phần M phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/18/0086/HDHM ký ngày 13/12/2018 và các Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thẻ tín dụng số 265-C-199363, gồm:

Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-12 ngày 14/08/2019;

Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-15 ngày 19/09/2019;

Khế ước nhận nợ: SME/Q10/18/0086/HDHM-16 ngày 17/10/2019;

Khế ước nhận nợ :SME/Q10/18/0086/HDHM-17 ngày 15/11/2019;

cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Trong trường hợp đến thời hạn thanh toán nợ mà Công ty M không thanh toán thì ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Việt Nam T theo các Hợp đồng bảo lãnh số TSN/21344 ký ngày 20/08/2021 giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng Việt Nam T; Hợp đồng bảo lãnh số SME/Q10/18/0086/HDBL ký ngày 13/12/2018 giữa ông Lê Hoàng N với Ngân hàng Việt Nam T.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 45.909.900đồng (bốn mươi lăm triệu chín trăm lẻ chín ngàn chín trăm đồng) Công ty cổ phần M chịu.

Hoàn lại số tiền 20.507.466đồng (Hai mươi triệu năm trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037005 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THA DS Q.T ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương